

Bản án số: 60/2020/HSST
Ngày 15 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Thiện

Thẩm phán: Ông Bùi Thái Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Huỳnh
Bà Huỳnh Thị Thanh Liên

Bà Nguyễn Ngọc Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Triều và bà Khuất Thị Thu Hà – đều là Kiểm sát viên Trung cấp

Từ ngày 09 đến ngày 15 tháng 9 năm 2020 (tuyên án ngày 15/9/2020) tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐ-HPT ngày 25/8/2020 đối với bị cáo:

Lê Thanh T, sinh năm 1968 tại tỉnh Hải Dương;

HKTT và chỗ ở: Khu phố 4, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Chủ doanh nghiệp tư nhân TM-DV-XD-SX Toàn Thắng. Trụ sở Công ty: phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; cha Lê Nguyên Thế; mẹ Nguyễn Thị Bốn; vợ Nguyễn Thị H; con: 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 11/01/2019 (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh T: Luật sư Nguyễn Thị U, Văn phòng luật sư Châu Giang - Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; địa chỉ: 09 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Bùi Thanh Y – Công Luật TNHH MTV tư vấn doanh nghiệp B.T.Y – Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp 4, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Ông Lê Chí Thành, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp 4, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1 – Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền, vàng, ngoại tệ của Lê Thanh T đối với bà Nguyễn Thị H:

Lê Thanh T là chủ Doanh nghiệp tư nhân TM-DV-XD-SX Toàn Thắng có trụ sở tại phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do kinh doanh thua lỗ, nợ nần tiền bạc của nhiều người với số lượng lớn. Biết bà Nguyễn Thị H, trú tại số 09 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu có tiền nên T tiếp cận, nói dối với bà Huyền là T đang làm đảo hạn ngân hàng, đang làm dự án lớn trồng rừng và khai thác rừng tại Campuchia đã được ngân hàng chấp thuận giải ngân số tiền lớn nên đề nghị bà Huyền cho vay tiền để đầu tư kinh doanh, hứa hẹn sẽ trả lãi suất là 5%/1 tháng. T đưa cho bà Huyền xem nhiều giấy tờ nhà đất mà T hoặc người nhà T đang quản lý, đứng tên chủ quyền trong các hồ sơ với mục đích để bà Huyền tin tưởng đưa tiền cho T vay nhưng thực chất đã bị T lừa dối để chiếm đoạt.

Từ tháng 3/2010 đến tháng 10/2010, với thủ đoạn gian dối nêu trên, T đã nhiều lần lừa dối để chiếm đoạt của bà Huyền cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 04/3/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay 500 triệu đồng, thời hạn 2 tháng, hứa hẹn lãi suất 5%/1 tháng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã cho T vay 500.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 2: Ngày 17/5/2010, T nói dối là đang cần tiền đầu tư trồng rừng tại Campuchia nên đề nghị bà Huyền cho vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn 2 tháng, hứa hẹn lãi suất 5%/1 tháng. Để củng cố niềm tin cho bà Huyền, T giao cho bà Huyền 1 giấy CNQSDĐ số seri AM156536 đứng tên Trần Thị Năm đã ủy quyền vĩnh viễn cho Nguyễn Thị N (vợ T). Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao cho T 1 tỷ đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt. Đến ngày 26/5/2010, T lại nói dối yêu cầu bà Huyền cho T mượn lại giấy CNQSDĐ số seri AM156536 để T làm thủ tục vay ngân hàng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao lại Giấy CNQSDĐ số seri AM156536 cho T mà không biết sau khi nhận giấy tờ đất thì T đem bán cho người khác.

- Lần 3: Ngày 24/5/2010, T đi cùng cùng vợ Nguyễn Thị N (vợ T) đến gặp bà Huyền, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay 1.000.000.000 đồng. Để củng cố niềm tin cho bà Huyền, T giao cho bà Huyền Giấy CNQSDĐ số seri BB095802 tọa lạc tại ấp 2, xã Hắc Dịch, Tân thành Bà Rịa - Vũng Tàu (có 185m² thổ cư). Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao cho T 1 tỷ đồng nhưng

thực chất đã bị T chiếm đoạt. Sau đó, T lại nói dối bà Huyền do giấy tờ đất này T chưa đứng tên chủ quyền nên đề nghị bà Huyền cho T mượn lại để làm thủ tục sang tên rồi sẽ giao lại cho bà Huyền sau. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao lại giấy CNQSDĐ số seri BB095802 cho T mà không biết sau khi nhận giấy tờ đất thì T đã đem bán cho người khác.

- Lần 4: Ngày 16/7/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay 950.000.000 đồng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao cho T 950.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 5: Ngày 21/7/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay 40.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao cho T 40.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 6: Ngày 11/9/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay T vay 30.000.000 đồng, thời hạn 1 tháng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao cho T 30.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 7: Ngày 16/9/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay T vay 12.000.000 đồng, thời hạn 1 tháng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao cho T 12.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 8: Ngày 01/10/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay 20.000.000 đồng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao 20.000.000 đồng cho N (vợ T) đến nhận tiền về giao lại cho T chiếm đoạt.

- Lần 9: Ngày 14/10/2010, T nói dối là đang cần vốn để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay 2 chỉ vàng 9999, thời hạn 1 tháng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao 2 chỉ vàng 9999 cho Lê Chí Thành (em T) đến nhận vàng về giao lại cho T chiếm đoạt.

- Lần 10: Một lần không rõ ngày, T nói dối cần vốn để kinh doanh tại Campuchia nên đề nghị bà Huyền cho vay 5.600 USD. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao 5.600 USD cho Đoàn Xuân Trường (con trai bà Huyền) để giao lại cho T chiếm đoạt.

2 – Hành vi gian dối của Lê Thanh T đối với vợ chồng ông Lưu Công Quý - bà Dương Thị Gân, vợ chồng ông Lê Văn Trương - bà Phan Thị Thê, vợ chồng ông Phan Văn Bày - bà Phan Thị Sen, và ông Trần Ngọc Thuật:

Vào các năm 2009 - 2010, do làm ăn thua lỗ và nợ nhiều tiền, nên Lê Thanh T có hành vi lợi dụng sự thiếu hiểu biết pháp luật về đất đai và tín dụng ngân hàng của vợ chồng ông Lưu Công Quý - bà Dương Thị Gân, vợ chồng ông Lê Văn Trương - bà Phan Thị Thê, vợ chồng ông Phan Văn Bày - bà Phan Thị Sen, và ông Trần Ngọc Thuật là những bà con nông dân ở huyện Châu Đức, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) có nhu cầu vay vốn ngân hàng để đầu tư canh tác vườn rẫy với số tiền không lớn nhưng hồ sơ, thủ tục vay vốn khó khăn, nên T đã hứa hẹn đứng ra vay tiền ngân hàng giúp với điều kiện bà con nông dân phải ký hợp đồng ủy quyền hoặc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên cho T hoặc người nhà của T đứng tên. Tin tưởng T là người ngay thẳng nên 4 hộ dân nêu trên đã cùng T làm giấy tay thỏa thuận sự việc rồi cùng T đến các Văn phòng công chứng ký hợp đồng ủy quyền hay hợp đồng chuyển nhượng đất cho T hay người nhà của T đứng tên.

Sau khi có giấy tờ đất trong tay, T đã đem lô đất 15.480 m² theo giấy CNQSDĐ số seri K 794145 do UBND huyện Châu Đức cấp ngày 16/10/1997 của ông Trần Ngọc Thuật (định giá 799.229.000 đồng) bán cho người khác lấy 400 triệu đồng mà không giao cho ông Thuật đồng nào.

Còn các lô đất 6.441 m² theo GCNQSDĐ số seri P813306 của ông bà Lưu Công Quý - Dương Thị Gân (định giá 246.999.000 đồng), lô đất 3809m² theo GCNQSDĐ số seri T 964767 của ông bà Lê Văn Trương - Phan Thị Thê (định giá 273.526.000 đồng); lô đất 500 m² theo GCNQSDĐ số seri AD 671838 của ông bà Phan Văn Bày - Phan Thị Sen (định giá 196.000.000 đồng) thì T đem thế chấp vay vốn Ngân hàng HD Bank chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HM10/0046/VT ngày 02/8/2010 với số tiền 2 tỷ đồng. Sau khi nhận tiền từ HD Bank, T chỉ đưa cho ông bà Quý - Gân số tiền 37 triệu đồng, đưa cho ông bà Bày - Sen số tiền 150 triệu đồng và lấy lại 15 triệu đồng dịch vụ, riêng ông bà Trương - Thê thì T không đưa đồng nào.

Sau khi chiếm đoạt tiền, vàng của bà Huyền và vay tiền của HD Bank, T không trả nợ gốc và lãi rồi bỏ trốn. Bà Huyền và các hộ dân bị mất đất đã tố cáo T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 28/02/2013, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh Bắt bị can để tạm giam số 04/LBTG ngày 13/02/2015, Quyết định truy nã số 02/PC45 ngày 10/3/2015 đối với Lê Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngân hàng HD Bank cũng đã khởi kiện T và được Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 19/7/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã xét xử ra Bản án KDTM sơ thẩm số 35/2011/KDTM-ST tuyên xử T phải trả cho HD Bank tiền vốn 2 tỷ đồng, lãi trong hạn 95.916.667 đồng, lãi phạt 2.373.717 đồng, lãi quá hạn 223.791.667 đồng và HD Bank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án bán đấu giá các lô đất T dùng để thế chấp theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HM10/0046/VT trong đó có các lô đất của ông bà Quý - Gân, ông bà Trương - Thê, ông bà Bày - Sen. Tuy nhiên, đến ngày 25/12/2014, Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tối cao đã ra Quyết định giám đốc thẩm số 66/2014/KDTM-GĐT hủy Bản án 35/2011/KDTM-ST ngày 19/7/2011 để yêu cầu xét xử lại. Ngày 27/4/2015, Tòa án tỉnh đã ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2015/QĐST-KDTM vụ tranh chấp giữa HD Bank với T.

Ngày 11/01/2019, Cơ quan điều tra đã bắt được T ở xã Ia Dom, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai và tiến hành phục hồi điều tra theo quy định. Ngày 19/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có Cáo trạng số 78/CT-VKS-P2 truy tố Lê Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền, vàng, ngoại tệ của bà Nguyễn Thị H và chiếm đoạt giá trị quyền sử dụng đất của các hộ dân Lưu Công Quý - Dương Thị

Gần, Lê Văn Trương - Phan Thị Thê, Phan Văn Bày - bà Phan Thị Sen, và ông Trần Ngọc Thuật.

Ngày 05/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã đưa vụ án ra xét xử công khai, sau một ngày xét xử, Tòa án tỉnh ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 02/2020/HSST-QĐ ngày 26/5/2020 yêu cầu tách hành vi của Lê Thanh T liên quan đến vợ chồng Lưu Công Quý - bà Dương Thị Gần, vợ chồng ông Lê Văn Trương - bà Phan Thị Thê, vợ chồng ông Phan Văn Bày - bà Phan Thị Sen, và đối với ông Trần Ngọc Thuật ra khỏi vụ án này để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự và xác định lại tội danh lừa đảo hay lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà Huyền.

Qua đánh giá kết quả điều tra, kết quả xét xử công khai tại phiên tòa ngày 05/5/2020, xét thấy:

- Đối với vụ Lê Thanh T chiếm đoạt tiền, vàng, ngoại tệ của bà Huyền:

Do có ý thức chiếm đoạt tài sản của bà Huyền từ trước, nên T đã có hành vi với các thủ đoạn gian dối cung cấp thông tin không đúng sự thật là T đang làm đảo hạn ngân hàng, đang làm dự án lớn trồng rừng và khai thác rừng tại Campuchia đã được ngân hàng chấp thuận giải ngân số tiền lớn nên T đề nghị bà Huyền cho vay tiền để kinh doanh, hứa hẹn sẽ trả lãi suất 5%/tháng. Tin tưởng T là người ngay thẳng, thông tin T đưa ra là chính xác nên bà Huyền mới giao tiền, vàng và ngoại tệ tổng số 3.552.000.000 đồng, 02 chỉ vàng và 5.600 USD cho T vay nhưng thực chất đã bị T lừa dối để chiếm đoạt. Toàn bộ tài sản chiếm đoạt được, T sử dụng vào việc cá nhân, hoàn toàn không trả vốn, lãi cho bà Huyền mà bỏ trốn để chiếm đoạt. Hành vi của Lê Thanh T có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự.

- Đối với các vụ việc T lừa dối đối với vợ chồng ông Lưu Công Quý - bà Dương Thị Gần, vợ chồng ông Lê Văn Trương - bà Phan Thị Thê, vợ chồng ông Phan Văn Bày - bà Phan Thị Sen, và ông Trần Ngọc Thuật:

Kết quả điều tra và kết quả phiên tòa xét xử ngày 05/5/2020, nhận thấy việc các hộ dân nhờ T đứng ra làm thủ tục vay vốn ngân hàng giúp các hộ dân là có thật, giữa các bên có làm giấy tay ghi rõ thỏa thuận sự việc trước khi cùng nhau đi công chứng các hợp đồng ủy quyền hay hợp đồng chuyển nhượng sang tên đất cho T hay người nhà của T đứng tên. Từ đó đến nay, các hộ dân vẫn đang sinh sống, canh tác ổn định trên đất của mình, nên các hợp đồng công chứng giữa T ký kết với các hộ dân đều là hợp đồng vô hiệu do giả tạo. Xét hậu quả pháp lý của hợp đồng dân sự vô hiệu phải được giải quyết theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự nên quan điểm của Tòa án nhân dân tỉnh và Cơ quan điều tra không xử lý hình sự T về hành vi chiếm đoạt giá trị quyền sử dụng đất của 4 hộ dân nêu trên (giá trị theo định giá 1.515.754.000 đồng) là có căn cứ.

Phân dân sự trong vụ án:

Bà Nguyễn Thị H có yêu cầu T phải bồi hoàn 3.552.000.000 đồng, 02 chỉ vàng và 5.600 USD và lãi suất theo quy định. Từ năm 2010 đến nay, T và gia đình chưa bồi hoàn cho bà Huyền.

Ngoài ra, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo T hoàn trả cho bà Huyền 585.000.000đồng là tiền bà Huyền chuộc Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thay cho bị cáo.

Tại Bản Cáo trạng số 65/CT-VKS-P2 ngày 22 tháng 07 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu truy tố Lê Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng; trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nêu các tình tiết vụ án, tính chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử như sau: Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử **áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thanh T với mức án từ 16 đến 18 năm tù.**

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thanh T phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt được cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 3.552.000.000 đồng và 585.000.000đồng tiền chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng cộng buộc bị cáo hoàn trả bà Huyền 4.217.000.000 đồng, 02 chỉ vàng và 5.600 USD.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Luật sư Nguyễn Thị Ứng trình bày lời bào chữa như sau: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nghe Đại diện Viện Kiểm sát công bố Cáo trạng và bản luận tội, luật sư nhận thấy việc Viện kiểm sát kết tội bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là chưa phù hợp, do hành vi của bị cáo có dấu hiệu phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 175 BLHS; Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo với mức hình phạt từ 16 đến 18 năm tù là nặng và chưa khách quan.

Về nội dung vụ án: Thời điểm năm 2010 bị cáo là chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, do nhu cầu phát triển sản xuất nên bị cáo có liên hệ bà Huyền vay tiền, và bà Huyền có trực tiếp xem đất, xem cơ sở kinh doanh của bị cáo nên bà Huyền đồng ý cho bị cáo vay tiền nhiều lần. Luật sư nhận thấy mục đích ban đầu của bị cáo là không có ý định lừa đảo, bị cáo vay tiền có hợp đồng, có mục đích sử dụng rõ ràng; tuy nhiên do tác động của khủng hoảng kinh tế vào năm 2010 làm cho việc kinh doanh của bị cáo không thuận lợi và thua lỗ dẫn đến bị cáo không có nguồn thu để trả nợ và bị cáo rời địa phương đi làm ăn nơi khác.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo khai bào thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại cho bị hại; bị cáo còn tài sản đang thế chấp ngân hàng vì thế bị cáo mong muốn được xử lý, giải quyết để trả nợ ngân hàng và bà Huyền. Ngoài ra bị cáo có thời gian phục vụ quân đội nên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý theo quan điểm bào chữa của luật sư.

Luật sư Bùi Thanh Yến phát biểu quan điểm bảo vệ cho bị hại như sau:

Luật sư thống nhất theo quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do bị cáo đã có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản. Theo Luật sư tổng tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Huyền là 4.217.000.000 đồng (bao gồm cả tiền chuộc sổ đỏ), 02 chỉ vàng 24K và 5.600 USD và đến nay chưa hoàn trả cho bà Huyền. Vì thế luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định và buộc bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và lãi suất cho bị hại được nhận.

Bị hại đồng ý theo quan điểm của luật sư.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[I] *Về tố tụng*: Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ nghiêm chỉnh theo thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Chí Thành, đây là phiên tòa được mở lần thứ hai và Tòa đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông Thành, ông Thành trước đó cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[II] *Về tội danh và điều luật áp dụng*:

[1] *Hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị H, trú tại 09 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*

Vào năm 2010, do cần tiền trả nợ bị cáo Lê Thanh T đã dùng thủ đoạn lừa dối bà Nguyễn Thị H là đang cần tiền để đầu tư trồng rừng ở Campuchia, làm dịch vụ đảo hạn ngân hàng nên đề nghị bà Huyền cho vay tiền, hứa hẹn trả lãi suất cao. Đồng thời bị cáo đưa bà Huyền đi xem cơ sở kinh doanh của bị cáo để tạo lòng tin từ bà Huyền, từ đó bà Huyền đã cho bị cáo T vay tiền 10 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 04/3/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay 500 triệu đồng, thời hạn 2 tháng, hứa hẹn lãi suất 5%/1 tháng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã cho T vay 500.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 2: Ngày 17/5/2010, T nói dối là đang cần tiền đầu tư trồng rừng tại Campuchia nên đề nghị bà Huyền cho vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn 2 tháng, hứa hẹn lãi suất 5%/1 tháng. Để củng cố niềm tin cho bà Huyền, T giao cho bà Huyền 1 giấy CNQSDĐ số seri AM156536 đứng tên Trần Thị Năm đã ủy quyền vĩnh viễn cho Nguyễn Thị N (vợ T). Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao cho T 1 tỷ đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt. Đến ngày 26/5/2010, T lại nói dối yêu cầu bà Huyền cho T mượn lại giấy CNQSDĐ số seri AM156536 để T làm thủ tục vay ngân hàng. Tin

tưởng là thật nên bà Huyền đã giao lại Giấy CNQSDĐ số seri AM156536 cho T mà không biết sau khi nhận giấy tờ đất thì T đem bán cho người khác.

- Lần 3: Ngày 24/5/2010, T đi cùng cùng vợ Nguyễn Thị N (vợ T) đến gặp bà Huyền, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay 1.000.000.000 đồng. Để củng cố niềm tin cho bà Huyền, T giao cho bà Huyền Giấy CNQSDĐ số seri BB095802 tọa lạc tại ấp 2, xã Hắc Dịch, Tân thành Bà Rịa - Vũng Tàu (có 185m² thổ cư). Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao cho T 1 tỷ đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt. Sau đó, T lại nói dối bà Huyền do giấy tờ đất này T chưa đứng tên chủ quyền nên đề nghị bà Huyền cho T mượn lại để làm thủ tục sang tên rồi sẽ giao lại cho bà Huyền sau. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao lại giấy CNQSDĐ số seri BB095802 cho T mà không biết sau khi nhận giấy tờ đất thì T đã đem bán cho người khác.

- Lần 4: Ngày 16/7/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay 950.000.000 đồng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao cho T 950.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 5: Ngày 21/7/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay 40.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao cho T 40.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 6: Ngày 11/9/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay T vay 30.000.000 đồng, thời hạn 1 tháng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao cho T 30.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 7: Ngày 16/9/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay T vay 12.000.000 đồng, thời hạn 1 tháng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao cho T 12.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 8: Ngày 01/10/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay 20.000.000 đồng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao 20.000.000 đồng cho N (vợ T) đến nhận tiền về giao lại cho T chiếm đoạt.

- Lần 9: Ngày 14/10/2010, T nói dối là đang cần vốn để kinh doanh nên đề nghị bà Huyền cho vay 2 chỉ vàng 9999, thời hạn 1 tháng. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao 2 chỉ vàng 9999 cho Lê Chí Thành (em T) đến nhận vàng về giao lại cho T chiếm đoạt.

- Lần 10: Một lần không rõ ngày, T nói dối cần vốn để kinh doanh tại Campuchia nên đề nghị bà Huyền cho vay 5.600 USD. Tin tưởng là thật nên bà Huyền đã giao 5.600 USD cho Đoàn Xuân Trường (con trai bà Huyền) để giao lại cho T chiếm đoạt.

Tổng số tiền bị cáo vay của bà Huyền toàn bộ là tiền gốc là 3.552.000.000 đồng, 02 chỉ vàng và 5.600 USD.

Tuy nhiên bị cáo không thực hiện cam kết trả nợ và rời địa phương trốn tránh đi nhiều nơi, cắt mọi liên lạc với bà Huyền; bà Huyền đã tố cáo sự việc đến Cơ quan Công an và đến ngày 11/01/2019 bị cáo bị bắt.

Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và cho rằng do làm ăn thua lỗ nên bị cáo trốn tránh đi nơi khác trong nhiều năm để làm ăn trả nợ, thực tế bị cáo chưa trả nợ cho bà Huyền theo cam kết.

[2] Hành vi mượn Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Đoàn Công Chức (ông chức đã mất) trú tại 09 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vay vốn ngân hàng nhưng không trả nợ dẫn đến việc bà Huyền phải trả nợ thay cho bị cáo và chuộc lại Giấy CNQSDĐ số tiền 585 triệu đồng.

Ngày 12/8/2010, bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Công Chức có đồng ý cho T mượn giấy CNQSDĐ số AK924884 do UBND TP Vũng Tàu cấp ngày 17/12/2007 diện tích 856,5m² (có 115m² thổ cư), thửa số 2654259.190, tờ bản đồ số 59 tại phường 12 TP Vũng Tàu để T thế vay vốn ngân hàng số tiền 500 triệu đồng. Sau khi vay tiền, do T không trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng nên bà Huyền đã trực tiếp thanh toán số tiền 585 triệu đồng (gốc và lãi) cho ngân hàng để lấy lại giấy tờ đất.

Do bà Huyền đã rút nội dung tố cáo đối với T về hành vi này nên cơ quan CSĐT không kết luận đề nghị truy tố T chiếm đoạt số tiền 585 triệu đồng mà chuyển giải quyết dân sự.

Hội đồng xét xử qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, lời trình bày của người bị hại về việc bị cáo T có hành vi vay tiền bị hại 10 lần và chiếm đoạt, nhận thấy:

Bị cáo do cần tiền để làm ăn phát triển kinh doanh nên từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2010 bị cáo 10 lần vay tiền bà Huyền với số tiền là 3.552.000.000 đồng, 02 chỉ vàng và 5.600 USD, có thời hạn từ một đến ba tháng, nhưng sáu khi nhận được tiền thông quan các hợp đồng bị cáo đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản của bà Huyền, từ đó Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị cáo có hành vi phạm tội “Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 140 Bộ luật hình sự 1999. Do số tiền bị cáo chiếm đoạt trên 500.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử so sánh điều luật năm 1999 và 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nhận thấy khung hình phạt tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định nhẹ hơn so với điều luật năm 1999, nên Hội đồng xét xử vận dụng điều luật 2015 để xử phạt bị cáo là phù hợp.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại là khách thể quan trọng được pháp luật bảo vệ, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại. Vì vậy, phải **xử phạt** bị cáo một mức án nghiêm khắc phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa; bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.552.000.000 đồng, 02 chỉ vàng 9999 và 5.600 USD và 585.000.000 đồng tiền bà Huyền chuộc sổ đỏ, cộng chung là 4.137.000.000 đồng, 02 chỉ vàng và 5.600 USD.

Ngoài ra bà Huyền yêu cầu bị cáo phải trả tiền lãi cho số tiền trên từ tháng 10/2010 đến ngày 20/8/2020 là 7.424.862.000 đồng. Theo bà Huyền mức lãi suất trên là dưới 20% /năm.

Cộng gốc và lãi là 11.561.862.000 đồng.

Bị cáo đồng ý theo yêu cầu đòi bồi thường của bà Huyền, nhưng đề nghị bà Huyền tạo điều kiện cho bị cáo thanh toán tiền gốc trước và thanh toán tiền lãi sau.

Hội đồng xét xử qua xem xét yêu cầu của bị hại và ý kiến của bị cáo thì thấy: Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo đồng ý hoàn trả số tiền gốc bị chiếm đoạt; về số tiền lãi bà Huyền yêu cầu không vượt quá 20%/năm vì thế Hội đồng xét xử ghi nhận vào bản án buộc bị cáo chịu trách nhiệm thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Đối với các vụ việc Lê Thanh T lừa dối đối với vợ chồng ông Lưu Công Quý - bà Dương Thị Gân, vợ chồng ông Lê Văn Trương - bà Phan Thị Thê, vợ chồng ông Phan Văn Bày - bà Phan Thị Sen, và ông Trần Ngọc Thuật:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực chất các ông bà nêu trên là kiện đòi quyền sở hữu tài sản, tức đòi phục hồi lại các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất sau khi các ông bà trên lập các Hợp đồng chuyển nhượng, Ủy quyền cho Lê Thanh T hoặc người nhà của T đứng tên trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhằm mục đích vay tiền ngân hàng. Xét thấy các ông bà nêu trên không phải là bị hại trong vụ án hình sự này và các vụ việc trên là tranh chấp dân sự vì thế Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện dân sự cho các ông bà nêu trên theo thủ tục tố tụng dân sự tại tòa án có thẩm quyền.

[6] Về xử lý vật chứng: Không.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/NQ/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Giá tham khảo tỷ giá USD tại thời điểm xét xử vụ án ngày 15-9-2020 là 23.203đồng/01 USD: $5.600\text{USD} \times 23.203\text{đồng} = 129.936.800\text{đồng}$ (một trăm hai mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Giá vàng SJC 9999 tham khảo tại thời điểm xét xử vụ án ngày 15-9-2020 là 5.425.000đồng/01 chỉ $\times 2 = 10.850.000\text{đồng}$ (Mười triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)

Tổng số tiền bị cáo phải trả cho bà Huyền (gốc và lãi): $3.552.000.000\text{đồng} + 585.000.000\text{đồng} + 7.424.862.000\text{đồng} + 129.936.800\text{đồng} + 10.850.000\text{đồng} = 11.702.648.000\text{đồng}$.

Số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là: $112.000.000\text{đồng} + (0,1\% \times 7.702.648.000\text{đồng}) = 119.702.648\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Thanh T 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2019.

II. Trách nhiệm bồi thường dân sự:

1/ Đối với bị hại Nguyễn Thị H:

Áp dụng: **Điều 48** Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 và Điều **589** Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Lê Thanh T phải trả lại cho các bị hại Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 4.137.000.000 đồng và **7.424.862.000 đồng tiền lãi** tính từ tháng 10/2010 đến ngày 20/8/2020; 02 chỉ vàng và 5.600 USD.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất tính trên số tiền còn phải thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/ Đối với các ông Lưu Công Quý - bà Dương Thị Gân, vợ chồng ông Lê Văn Trương - bà Phan Thị Thê, vợ chồng ông Phan Văn Bày - bà Phan Thị Sen, và ông Trần Ngọc Thuật:

Giành quyền quyền khởi kiện dân sự cho các ông bà nêu trên theo thủ tục tố tụng dân sự tại tòa án có thẩm quyền nếu các ông bà nêu trên còn giữ yêu cầu.

III. Án phí:

Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/NQ/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và **119.702.648 đồng (một trăm mười chín triệu bảy trăm lẻ hai nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm;**

IV. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Bị cáo; bị hại; người bào chữa;
- Lưu: Tòa Hình sự, hồ sơ vụ án.

Huỳnh Ngọc Thiện